

HOÀN THIỆN TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN DUY THANH*

Ngày nhận bài: 30/07/2023

Ngày phản biện: 06/09/2023

Ngày đăng bài: 30/09/2023

Tóm tắt:

Cho đến nay, quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý hành chính của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tương đối đầy đủ. Tuy nhiên các quy định này vẫn còn nhiều bất cập và thiếu tính khả thi gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật. Chính vì vậy, việc nghiên cứu phân tích chỉ ra những hạn chế của pháp luật, từ đó đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết.

Từ khóa:

Doanh nghiệp, trách nhiệm hành chính, môi trường

Abstract:

While the Law on Housing 2014 and its guidelines include provisions offering incentives to social housing investors who do not utilize national budget capital, these preferential regulations have not effectively attracted investors to launch social housing projects, despite Vietnam's rising demand. This article examines three types of investor incentives stipulated in legal regulations: (i) incentives related to levies and/or land rents for land allocated or leased for social housing construction; (ii) preferential loans for social housing construction projects; and (iii) tax exemptions and/or reductions. Based on this analysis, the article proposes recommendations to enhance Vietnamese regulations.

Keywords:

Enterprise, administrative responsibility, environment

* ThS., GV Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: thanhnd@hul.edu.vn.

• Ghi chú: Tài bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

1. Đặt vấn đề

Tình trạng các doanh nghiệp vi phạm pháp luật về môi trường trong những năm gần đây ở nước ta xảy ra khá phổ biến. Nhưng hành vi vi phạm này gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng ảnh hưởng đến môi trường, môi sinh, sức khỏe của người dân...Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để xử lý các hành vi vi phạm về môi trường. Nghiên cứu các quy định pháp luật về trách nhiệm hành chính của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cho thấy các quy định trong lĩnh vực này tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật vẫn còn một số số điểm bất cập và thiếu tính khả thi. Chính vì vậy trong quá trình thực hiện pháp luật để truy cứu trách nhiệm hành chính của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phát sinh những vướng mắc. Tác giả bài viết sẽ làm rõ những hạn chế của pháp luật hiện nay, qua đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hành chính đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Quy định về trách nhiệm pháp lý hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.1. Chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý hành chính

Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020) và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì chủ thể bao gồm nhiều cá nhân, tổ chức khác nhau trong đó có các doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp¹; có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác đều bị xử phạt theo các quy định tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP hoặc các Nghị định có liên quan.

¹ Điều 2, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.2. Các hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm hành chính

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm các hành vi sau đây²: Các hành vi vi phạm các quy định về đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, đánh giá tác động môi trường. Các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải. Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường (BVMT) của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu chức năng sản xuất công nghiệp của khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề. Các hành vi vi phạm các quy định về BVMT trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản. Các hành vi vi phạm quy định về BVMT trong quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy. Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố chất thải; giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn. Các hành vi vi phạm về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học bao gồm: các quy định về BVMT di sản thiên nhiên, chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền. Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện quan trắc môi trường; quản lý thông tin, dữ liệu môi trường; cung cấp, công khai thông tin về môi trường; báo cáo công tác BVMT. Các hành vi cản trở trong hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm quy định khác về BVMT được quy định cụ thể tại Chương II, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP.

2.3. Các chế tài của trách nhiệm pháp lý hành chính

Các chế tài của trách nhiệm pháp lý hành chính được thực hiện thông qua các hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hình thức xử phạt chính: Mức xử phạt, các doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt chính sau đây: (a) Cảnh cáo; (b) Phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Bên cạnh hình thức phạt chính, các doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng hình

² Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

thức phạt bổ sung: (a) Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với: giấy phép môi trường; giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; giấy phép tiếp cận nguồn gen; giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; quyết định công nhận phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật biến đổi gen; quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC năm 2012 từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành; (b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính); tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật; (c) Việc áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp hành vi vi phạm của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường hoặc cơ sở đã chấm dứt hành vi vi phạm hoặc đã khắc phục xong hậu quả vi phạm do hành vi vi phạm hành chính gây ra. Thời điểm đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn được tính từ thời điểm cơ quan nhà nước đã giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác để cung ứng sản phẩm, dịch vụ công.

Ngoài các hình thức xử phạt quy định nêu trên, doanh nghiệp vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định sau đây:

a) Buộc phải khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu hoặc phục hồi môi trường theo quy định; buộc khôi phục lại trạng thái ban đầu do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định về bảo vệ môi trường để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; buộc phá dỡ, di dời công trình, cây trồng; buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép;

c) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường theo quy định; buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật; buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật,...³

³ Xem: Điều 4 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Có thể nói trách nhiệm hành chính của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta được quy định tương đối đầy đủ nhất so với các hình thức trách nhiệm pháp lý khác.

3. Những hạn chế của pháp luật về trách nhiệm pháp lý hành chính đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, chưa quy định rõ về mức độ của hành vi vi phạm hành chính.

Cho đến nay, Luật XLVPHC năm 2012 vẫn chưa có quy định cụ thể về mức độ của hành vi vi phạm hành chính (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng,...). Mặc dù khoản 1, khoản 2 Điều 25⁴ hay Điều 26⁵ Luật XLVPHC năm 2012 đều có quy định: “Vi phạm hành chính nghiêm trọng”. Quy định này khiến cho cơ quan thực thi pháp luật lúng túng không biết căn cứ theo quy định nào để xác mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm hành chính.

Khi một doanh nghiệp vi phạm trong lĩnh vực môi trường, dựa vào căn cứ nào để xác định hành vi vi phạm đó là nghiêm trọng để tước giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn (chỉ vi phạm nghiêm trọng mới bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả này). Đây là một trong những bất cập của Luật XLVPHC mà Luật XLVPHC sửa đổi, bổ sung năm 2020 vẫn chưa giải quyết được.

Thứ hai, mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa hợp lý.

⁴ Điều 25. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn

1. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Trong thời gian bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, cá nhân, tổ chức không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

2. Đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:

a) Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;

b) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.

⁵ Điều 26. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức.

Việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật này.

Theo quy định pháp luật hiện hành, mức xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đã tăng so với trước đây (mức cao xử phạt cao nhất đối với tổ chức hiện nay là 2.000.000.000 đồng),⁶ nhưng nếu so với việc phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải thì còn thấp hơn nhiều, vì việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải đòi hỏi phải tốn kém hơn (thực tế để đầu tư hệ thống xử lý chất thải có khi phải lên đến hàng trăm tỷ đồng, kinh phí đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải theo tiêu chuẩn công nghệ tiên tiến nhằm thu gom nước thải tại các khu công nghiệp để xử lý thành nước đạt loại A và doanh nghiệp có khả năng tái sử dụng trong sản xuất khoảng 100 tỷ đồng, công suất xử lý khoảng 10.000 m³/ngày⁷), chính vì vậy mà các doanh nghiệp sẵn sàng chịu phạt hơn là đầu tư hệ thống xử lý chất thải.

Thẩm quyền xử phạt của một số chức danh có thẩm quyền xử phạt chưa hợp lý, một số cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về môi trường nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Ví dụ: *Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;*⁸ hay *Thanh tra viên chuyên ngành tài nguyên và môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 500.000 đồng*⁹.

Thứ ba, quy định về thời hạn ra quyết định, thời gian chuyển biên bản vi phạm hành chính trong trường hợp không thuộc thẩm quyền xử lý thiếu tính khả thi.

Về thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định hiện nay “*Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 61 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản*”¹⁰.

⁶ Điểm k khoản 1 Điều 24 Luật XLVPHC năm 2012: k) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng: quản lý các vùng biên, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường.

⁷ Nguyệt Triều (2018), “*Ông Dũng Lò Vôi chi 10.000 tỷ xây 100 nhà máy xử lý nước thải*”, [https://vnexpress.net/kinh-doanh/ong-dung-lo-voi-chi-10-000-ty-xay-100-nha-may-xu-ly-nuoc-thai-3829180.html], (truy cập ngày 22/7/2023)

⁸ Điều 56 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

⁹ Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

¹⁰ Điều 66 Luật XLVPHC năm 2012

Qua thực tiễn áp dụng, thời hạn này là quá ngắn không đủ để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động cần thiết như xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt... dẫn đến trong thực tiễn khi phát hiện ra hành vi vi phạm hành chính người có thẩm quyền không lập “Biên bản vi phạm hành chính” (mặc dù luật quy định phải lập Biên bản vi phạm) mà lại lập “Biên bản làm việc”, sau đó tiến hành thu thập chứng cứ và chỉ khi đầy đủ chứng cứ thì mới triệu tập người vi phạm đến để lập “Biên bản vi phạm hành chính”. Điều này là trái quy định của Luật XLVPHC, tuy nhiên lại đang được thực hiện tại nhiều địa phương.

Luật XLVPHC quy định: “Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa”¹¹.

Thời hạn 24 giờ phải chuyển biên bản vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt là làm khó cho cơ quan thực thi pháp luật. Hơn nữa, vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường có những vụ việc phức tạp, cần nhiều thời gian để xác minh, làm rõ (hành vi, đối tượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các tình tiết khác có liên quan) nhằm xác định đúng thẩm quyền xử phạt, sau đó mới có thể hoàn thiện hồ sơ và chuyển giao cho cấp có thẩm quyền. Ngoài ra, có những vụ việc xảy ra ở nơi khó khăn về đi lại, tiếp cận, thông tin liên lạc hạn chế (ở sâu trong rừng, địa hình hiểm trở, điều kiện thời tiết không thuận lợi...), việc ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính, kiểm tra hiện trường, bảo vệ tang vật, phương tiện vi phạm, dẫn giải người vi phạm, lập hồ sơ ban đầu vô cùng khó khăn, cần rất nhiều thời gian để thực hiện.

Với khối lượng công việc và những khó khăn nói trên, quy định 24 giờ phải chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền phạt là không khả thi, thậm chí một số cơ quan có thẩm quyền (có thể) vì không muốn tiếp nhận, xử lý nên lấy lý do “*quá thời hạn 24 giờ*” nhằm không tiếp nhận, xử lý vụ việc, dẫn đến quá thời hạn không ra quyết định xử phạt VPHC, tang vật, phương tiện VPHC để lâu không được tịch thu, xử lý dẫn đến hư hỏng, suy giảm chất lượng.

Thứ tư, quy định về “giá thị trường” để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt còn chưa cụ thể.

¹¹ Khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC 2012

Khi xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường nhiều trường hợp phải xác định giá trị tang vật, phương tiện, ví dụ: Doanh nghiệp dùng ghe (thuyền), dùng xe công-nông (xe cơ giới 4 bánh tự chế) chở chất thải chưa qua xử lý đổ ra sông, ra suối.

Luật XLVPHC quy định một trong những căn cứ xác định giá trị tang vật phương tiện vi phạm hành chính là: *“trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính”*¹². Theo tiêu chuẩn định giá số 02 giá thị trường làm căn cứ cho thẩm định giá ban hành kèm Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 quy định *“giá thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch khách quan, độc lập, có đủ thông tin các bên tham gia hành động một cách có hiểu biết, thận trọng và không bị ép buộc”*. Tuy nhiên, thị trường tại địa phương nơi xảy vi phạm, cùng một loại sản phẩm, hàng hóa tương tự với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhưng do nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, phân phối lại có các mức giá khác nhau, điều này khiến cho cơ quan chức năng lúng túng về xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt. Mặt khác việc thẩm định giá phải do Thẩm định viên tiến hành,¹³ điều này cũng gây khó khăn cho người xử phạt hành chính.

Thứ năm, quy chuẩn kỹ thuật môi trường một số lĩnh vực chưa được sửa đổi bổ sung sau khi Luật BVMT năm 2020 được ban hành

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là văn bản pháp quy kỹ thuật quy định về mức giới hạn, yêu cầu tối thiểu, các ngưỡng, các mục bắt buộc phải tuân thủ để đảm bảo sức khỏe con người, BVMT. Theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật BVMT năm 2020: *“Quy chuẩn kỹ thuật môi trường là quy định bắt buộc áp dụng mức giới hạn của thông số về chất lượng môi trường, hàm lượng của chất ô nhiễm có trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hóa, chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật”*. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu quản lý

¹² Điều b khoản 2 Điều 60 Luật XLVPHC

¹³ Điều 2, Mục I hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 02 Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá (Ký hiệu: TĐGVN 02) (Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính): “2. Đối tượng áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng đối với thẩm định viên về giá hành nghề (sau đây gọi chung là thẩm định viên), doanh nghiệp thẩm định giá, các tổ chức và cá nhân khác thực hiện hoạt động thẩm định giá theo quy định của Luật Giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

chất lượng môi trường xung quanh đảm bảo cuộc sống an toàn, làm căn cứ để xác định mức độ ô nhiễm môi trường. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý môi trường, đó là công cụ phục vụ quản lý nhà nước, đảm bảo lợi ích cho môi trường và lợi ích của cộng đồng; Đồng thời, đó cũng là cơ sở để đánh giá chất lượng môi trường xung quanh và kiểm soát và xử lý vi phạm gây ô nhiễm môi trường do các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt do con người gây ra.

Cho đến nay nhiều Quy chuẩn được ban hành trước khi Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế, như:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2015/BGTVT về Chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 51:2017/BTNMT về Khí thải công nghiệp sản xuất thép do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2017.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 23:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2009.

4. Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hành chính đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Luật XLVPHC cần quy định các cấp độ vi phạm, trên cơ sở đó Chính phủ cần ban hành văn bản quy định chi tiết về mức độ của hành vi vi phạm hành chính. Việc xác định mức độ vi phạm theo tác giả có thể chia thành các mức độ: (i) ít nghiêm trọng, (ii) nghiêm trọng, (iii) rất nghiêm trọng, (iii) đặc biệt nghiêm trọng. Việc phân cấp độ vi phạm hành chính này sẽ giúp cho việc XLVPHC nói chung và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường nói riêng phân hóa được hành vi vi phạm và phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định pháp luật về xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Trước hết, cần sửa Luật XLVPHC, nâng mức phạt tối thiểu và tối đa (hiện nay mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức)¹⁴. Theo tác giả sau hơn 10 năm có hiệu lực thi hành, cho đến nay mức phạt này không còn phù hợp do đó cần nâng lên mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 4.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

¹⁴ Điều 23 Luật XLVPHC năm 2012

Cần tăng mức xử phạt tiền cho các chủ thể trực tiếp thi hành công vụ, ví dụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: (có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 10.000.000 đồng). Thanh tra viên chuyên ngành tài nguyên và môi trường, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tài nguyên và môi trường đang thi hành công vụ có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền đến 1000.000 đồng

Đồng thời, cần tăng thẩm quyền cho lực lượng Cảnh sát môi trường, bổ sung thêm thẩm quyền xử lý cho một số chủ thể như Cảnh sát môi trường cấp huyện, Cục trưởng Cục Kiểm soát hoạt động BVMT, cơ quan chi cục BVMT, chi cục an toàn thực phẩm để bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống trong XLVPHC.

Thứ ba, quy định lại thời gian ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo tác giả nên quy định “thời hạn ra quyết định xử phạt hành chính 15 ngày kể từ ngày lập biên bản..”. Đối với thời gian chuyển biên bản vi phạm hành chính (tại khoản 5 Điều 58) trong trường hợp không thuộc thẩm quyền xử lý từ 24 giờ lên 72 giờ để cơ quan thực thi pháp luật đủ thời gian hoàn thiện hồ sơ và chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt.

Thứ tư, cần bổ sung thêm quy định về các hành vi vi phạm đối với một số hành vi trong lĩnh vực BVMT như: Các hành vi liên quan đến quản lý chất thải và phế liệu, đánh giá tác động môi trường; xử phạt đối với vi phạm về thải bụi, khí thải... Do hiện nay các loại hình hoạt động gây mùi, bụi phát tán ra môi trường xung quanh, không xác định được lưu lượng thải nên không thể áp dụng xử phạt được nên cần bổ sung thêm quy định này để đảm bảo các quy định của pháp luật được chặt chẽ và có tính khả thi cao trong thực tiễn.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

Quy chuẩn môi trường là văn bản pháp quy kỹ thuật quy định về mức giới hạn, yêu cầu tối thiểu, các ngưỡng, các mục bắt buộc phải tuân thủ để đảm bảo sức khỏe con người, BVMT. Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được xây dựng trên cơ sở nhằm đáp ứng mục tiêu BVMT; phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

Quy chuẩn có vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý môi trường, đó là công cụ phục vụ quản lý nhà nước, đảm bảo lợi ích cho môi trường và lợi ích của cộng đồng; Đây cũng là cơ sở để đánh giá chất lượng môi trường xung quanh và kiểm soát ô nhiễm môi trường do các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt do con người gây ra. Đồng thời cũng là cơ sở để XLVPHC, truy cứu trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Như đã nêu trên cho đến nay nhiều Quy chuẩn được ban hành trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Do đó nhà

nước cần rà soát, ban hành kịp thời Quy chuẩn môi trường, đảm bảo có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; Phù hợp với đặc điểm của vùng, ngành, loại hình và công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Tóm tắt kết quả

Trên cơ sở phân tích những bất cập của pháp luật về trách nhiệm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Bài viết đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Với những kết quả nghiên cứu đã được nêu trong bản bài viết, tác giả hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hành chính đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng trách nhiệm pháp lý hành chính của các cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp vi phạm. Trên cơ sở đó từng bước nâng cao ý thức pháp luật, ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hà (2020), “*Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*”. Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật, Đại học Huế.
2. Bùi Kim Hiếu (2012), “*Trách nhiệm hành chính gây ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay*”. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 22(230)/2012.
3. Hà Khanh (2017), “*Tăng cường xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường*”. Tạp chí Tài nguyên & Môi trường, Số 9 (263).
4. Phí Duy Hùng, Lê Văn Thắng (2022), Bài báo “*Hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*”. Khoa Luật, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.
Nguồn: <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/315776/CVv328S1182021114.pdf>
5. Nguyễn Thanh Mai, Đoàn Trung Kiên (2020), Bài báo “*Trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân thương mại gây ô nhiễm*”. Học viện Tư Pháp.
Nguồn: <https://sti.vista.gov.vn/tw/Lists/TaiLieuKHCN/Attachments/309168/CVv240S82020014.pdf>
6. Cao Vũ Minh (2021), Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh, Bài báo “*Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong pháp luật xử phạt vi phạm hành chính*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 19 (443), tháng 9/2021.